

Số: 84 /VSC

Hải Phòng, ngày 15 tháng 08 năm 2017

Kính gửi: - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào các quy định công bố thông tin của tổ chức niêm yết trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ phần Container Việt Nam (mã chứng khoán: VSC) xin giải trình về việc Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh 6 tháng đầu năm 2017 so với báo cáo cùng kỳ năm trước có biến động từ 10% trở lên trên **Báo cáo tài chính riêng** như sau:

Đơn vị tính: đồng

Stt	Chỉ tiêu	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016	Chênh lệch giảm	Tỷ lệ giảm (%)
1	Lợi nhuận sau thuế TNDN	76.738.402.700	126.100.365.815	49.361.963.115	39,14

Nguyên nhân chủ yếu:

Trong 6 tháng đầu năm 2017, lợi nhuận từ các Công ty con ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính giảm mạnh so với 6 tháng đầu năm 2016. Ngoài ra, chi phí đầu vào tăng làm cho giá vốn hàng bán tăng gần 18% so với cùng kỳ năm trước. Đây là nguyên nhân chủ yếu làm cho lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp 6 tháng đầu năm 2017 giảm 49.361.963.115 đồng, tương ứng với giảm 39,14% so với 6 tháng đầu năm 2016.

Trân trọng.

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Tiến

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu VT, TCKT



Công ty Cổ phần Container Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017

Công ty Cổ phần Container Việt Nam
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận

Đăng ký Doanh nghiệp

Số 0200453688

ngày 27 tháng 6 năm 2016

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 1 tháng 4 năm 2002. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần đây nhất là ngày 27 tháng 6 năm 2016.

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Việt Hòa	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Tiến	Thành viên
Ông Trần Xuân Bạo	Thành viên
Bà Hoàng Thị Hà	Thành viên
Ông Hoàng Trọng Giang	Thành viên
Ông Nguyễn Thế Trọng	Thành viên
Ông Nguyễn Việt Trung	Thành viên
Ông Nghiêm Tuấn Anh	Thành viên
Ông Hoàng Tiến Lục	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Tiến	Tổng Giám đốc
Ông Trần Xuân Bạo	Giám đốc Tài chính
Ông Nguyễn Thế Trọng	Giám đốc Kỹ thuật

Trụ sở đăng ký

Số 11 Võ Thị Sáu, Phường Máy Tơ
Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Container Việt Nam

Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Container Việt Nam (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 35 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

Thay mặt Ban Giám đốc



Nguyễn Văn Tiến
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 12 tháng 8 năm 2017



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Landmark 72
E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam
+84-4 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Container Việt Nam

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Container Việt Nam ("Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng liên quan cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 31 tháng 7 năm 2017, được trình bày từ trang 5 đến trang 35.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410, "Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện".

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty Cổ phần Container Việt Nam tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 17-02-119-SX-R



Đàm Xuân Lâm

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0861-2013-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 12 tháng 8 năm 2017

Công ty Cổ phần Container Việt Nam
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2017

Mẫu B 01a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		433.048.930.777	537.297.682.360
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	170.620.592.404	243.478.527.502
Tiền	111		36.620.592.404	49.590.527.502
Các khoản tương đương tiền	112		134.000.000.000	193.888.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	25.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6(a)	-	25.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		254.573.912.859	260.129.409.057
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	53.470.277.265	52.736.572.973
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		6.676.540.386	2.987.642.336
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8	29.569.712.252	27.869.712.252
Phải thu ngắn hạn khác	136	9	165.175.711.477	176.853.810.017
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(318.328.521)	(318.328.521)
Hàng tồn kho	140	10	7.120.864.419	6.830.132.103
Hàng tồn kho	141		7.120.864.419	6.830.132.103
Tài sản ngắn hạn khác	150		733.561.095	1.859.613.698
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	16(a)	733.561.095	1.859.613.698

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Container Việt Nam
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		1.048.646.038.890	932.330.996.001
Các khoản phải thu dài hạn	210		118.977.978.898	75.445.001.691
Phải thu về cho vay dài hạn	215	8	118.977.978.898	75.445.001.691
Tài sản cố định	220		119.984.229.988	118.625.862.029
Tài sản cố định hữu hình	221	11	111.075.986.619	109.141.421.452
Nguyên giá	222		420.390.169.669	404.955.189.858
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(309.314.183.050)	(295.813.768.406)
Tài sản cố định vô hình	227	12	8.908.243.369	9.484.440.577
Nguyên giá	228		12.083.067.663	12.083.067.663
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.174.824.294)	(2.598.627.086)
Tài sản dở dang dài hạn	240		30.466.364	5.498.608.464
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	13	30.466.364	5.498.608.464
Đầu tư tài chính dài hạn	250	6(b)	794.283.707.286	714.790.000.000
Đầu tư vào công ty con	251		698.925.000.000	631.925.000.000
Đầu tư vào công ty liên kết	252		95.203.707.286	82.710.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		155.000.000	155.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		15.369.656.354	17.971.523.817
Chi phí trả trước dài hạn	261	14	15.346.656.354	17.971.523.817
Tài sản dài hạn khác	268		23.000.000	-
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.481.694.969.667	1.469.628.678.361

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		166.278.799.481	166.659.454.105
Nợ ngắn hạn	310		166.243.799.481	166.619.454.105
Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	21.914.027.365	34.673.821.169
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.794.268.971	1.448.147.421
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16(b)	5.613.073.519	13.635.011.265
Phải trả người lao động	314		7.702.319.716	17.458.643.392
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		130.000.000	100.000.000
Phải trả ngắn hạn khác	319	17	86.091.485.755	56.414.393.905
Vay ngắn hạn	320	18	-	4.831.480.000
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	19	42.998.624.155	38.057.956.953
Nợ dài hạn	330		35.000.000	40.000.000
Phải trả dài hạn khác	337		35.000.000	40.000.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		1.315.416.170.186	1.302.969.224.256
Vốn chủ sở hữu	410	20	1.315.416.170.186	1.302.969.224.256
Vốn cổ phần	411	21	455.571.420.000	455.571.420.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	<i>411a</i>		<i>455.571.420.000</i>	<i>455.571.420.000</i>
Thặng dư vốn cổ phần	412	20	36.141.891.246	36.141.891.246
Quỹ đầu tư phát triển	418	23	604.734.369.757	595.470.662.363
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	20	218.968.489.183	215.785.250.647
- <i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước</i>	<i>421a</i>		<i>142.230.086.483</i>	<i>48.144.050.187</i>
- <i>LNST chưa phân phối kỳ này/năm nay</i>	<i>421b</i>		<i>76.738.402.700</i>	<i>167.641.200.460</i>
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.481.694.969.667	1.469.628.678.361

Ngày 12 tháng 8 năm 2017

Người lập:



Trương Lý Thế Anh
Phó phòng Kế toán

Người duyệt

Người duyệt:


Trần Xuân Bạo
Kế toán trưởng


Nguyễn Văn Tiên
Tổng Giám đốc

Trần Xuân Bạo
Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Tiến
Tổng Giám đốc

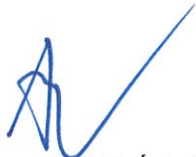
Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Container Việt Nam**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017****Mẫu B 02a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2017 VND	30/6/2016 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	25	233.528.142.431	231.280.315.000
Giá vốn hàng bán	11	26	162.777.570.059	138.333.552.521
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		70.750.572.372	92.946.762.479
Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	29.528.522.038	59.849.529.315
Chi phí tài chính	22		105.636.262	440.804.809
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		71.023.692	196.283.584
Chi phí bán hàng	25		75.000.000	32.727.373
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		8.766.425.926	7.519.627.087
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		91.332.032.222	144.803.132.525
Thu nhập khác	31		-	360.000.000
Chi phí khác	32		721.369.625	-
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		(721.369.625)	360.000.000
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		90.610.662.597	145.163.132.525
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	29	13.872.259.897	19.062.766.710
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		76.738.402.700	126.100.365.815

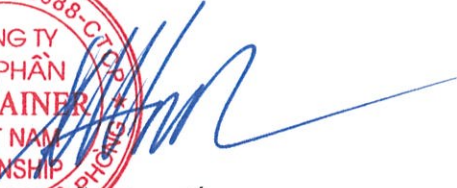
Ngày 12 tháng 8 năm 2017

Người lập:


 Trương Lý Thế Anh
 Phó phòng Kế toán

Người duyệt:


 Trần Xuân Bạo
 Kế toán trưởng


 Nguyễn Văn Tiến
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Container Việt Nam**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
(Phương pháp gián tiếp)****Mẫu B 03a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2017 VND	30/6/2016 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	90.610.662.597	145.163.132.525
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	14.755.104.045	14.564.961.468
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại			
các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(103.483.058)	43.305.831
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(28.692.959.446)	(60.112.131.970)
Chi phí lãi vay	06	71.023.692	196.283.584
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	76.640.347.830	99.855.551.438
Biến động các khoản phải thu	09	26.573.935.706	26.117.948.971
Biến động hàng tồn kho	10	(290.732.316)	(2.578.107.934)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	(40.360.037.980)	(24.649.720.429)
Biến động chi phí trả trước	12	2.624.867.463	3.993.384.295
		65.188.380.703	102.739.056.341
Tiền lãi vay đã trả	14	(71.023.692)	(196.283.584)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(19.519.167.050)	(22.758.161.845)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	1.649.482.587
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(13.793.647.568)	(10.713.278.920)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	31.804.542.393	70.720.814.579

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Container Việt Nam**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
(Phương pháp gián tiếp - tiếp theo)****Mẫu B 03a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2017 VND	30/6/2016 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(14.230.335.893)	-
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22	2.863.636.364	360.000.000
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23	(58.000.000.000)	(36.000.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24	38.584.856.126	84.831.982.900
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	(79.493.707.286)	(183.600.000.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26	-	200.000.000
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27	10.401.365.653	11.465.528.561
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(99.874.185.036)	(122.742.488.539)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền trả nợ gốc vay	34	(4.831.480.000)	-
Tiền trả cổ tức	36	(40.411.575)	(41.372.023.750)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(4.871.891.575)	(41.372.023.750)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	(72.941.534.218)	(93.393.697.710)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	243.478.527.502	280.989.840.262
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	83.599.120	(140.691.648)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61) (Thuyết minh 5)	70	170.620.592.404	187.455.450.904

Ngày 12 tháng 8 năm 2017

Người lập:


Trương Lý Thế Anh
Phó phòng Kế toán

Người duyệt:


Trần Xuân Bạo
Kế toán trưởngNguyễn Văn Tiến
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Container Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Container Việt Nam (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

(b) Hoạt động chính

Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp, các hoạt động chính của Công ty là:

- Kinh doanh kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
- Sửa chữa máy móc thiết bị;
- Bảo dưỡng sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Cho thuê xe có động cơ; và
- Cho thuê máy móc thiết bị và đồ dùng hữu hình khác.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Công ty có 7 công ty con và 3 công ty liên kết (1/1/2017: 6 công ty con và 2 công ty liên kết) được liệt kê trong Thuyết minh 6(b).

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 bao gồm Văn phòng Công ty Cổ phần Container Việt Nam, Xí nghiệp Cảng Viconship và hai chi nhánh là Chi nhánh Quảng Ninh và Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Công ty có 309 nhân viên (1/1/2017: 307 nhân viên).

Công ty Cổ phần Container Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty cũng lập và phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản (đối với các khoản mục tài sản) và tỷ giá bán chuyển khoản (đối với các khoản mục nợ phải trả) của ngân hàng thương mại Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Công ty Cổ phần Container Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn (không quá 3 tháng) có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên 3 tháng. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

(ii) Đầu tư vào công ty con và công ty liên kết

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(iii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Công ty Cổ phần Container Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	5 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 7 năm
▪ phương tiện vận chuyển	3 – 10 năm
▪ dụng cụ văn phòng	3 – 5 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp được thể hiện theo nguyên giá và không được phân bổ do có thời hạn không xác định. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 đến 5 năm.

Công ty Cổ phần Container Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(h) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(i) Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với giá gốc của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Giá gốc của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 2 năm.

(j) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(k) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(l) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(m) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ trước hợp nhất của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Công ty Cổ phần Container Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(n) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc niên độ. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iv) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

(o) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(p) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

Công ty Cổ phần Container Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(q) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung.

Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

4. Các thay đổi trong ước tính kế toán

Khi lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Ban Giám đốc Công ty thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này. Không có thay đổi trọng yếu trong các ước tính kế toán so với các ước tính đã được thực hiện trong báo cáo tài chính năm gần nhất.

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2017	1/1/2017
	VND	VND
Tiền mặt	2.298.343.623	1.077.260.204
Tiền gửi ngân hàng	34.322.248.781	48.513.267.298
Các khoản tương đương tiền	134.000.000.000	193.888.000.000
	170.620.592.404	243.478.527.502

6. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/6/2017	1/1/2017
	VND	VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn - ngắn hạn		
▪ Tiền gửi có kỳ hạn	-	25.000.000.000

Giá trị hợp lý của các khoản tiền gửi có kỳ hạn xấp xỉ bằng giá trị ghi sổ do tính chất ngắn hạn của tài sản tài chính này.

Công ty Cổ phần Container Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

			30/6/2017				1/1/2017		
	Địa chỉ	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc (*) VND	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc (*) VND
Đầu tư góp vốn vào:									
Công ty con									
▪ Công ty TNHH Một thành viên Vận tải biển Ngôi sao Xanh (i)	Hải Phòng		100%	100%	15.000.000.000		100%	100%	15.000.000.000
▪ Công ty Cổ phần Container Miền Trung	Đà Nẵng	1.982.500	65%	65%	19.825.000.000	1.982.500	65%	65%	19.825.000.000
▪ Công ty TNHH Một thành viên Viconship Hồ Chí Minh	Thành phố Hồ Chí Minh		100%	100%	6.000.000.000		100%	100%	6.000.000.000
▪ Công ty TNHH Một thành viên Trung tâm Logistic Xanh	Hải Phòng		100%	100%	90.000.000.000		100%	100%	90.000.000.000
▪ Công ty TNHH Một thành viên Bến Xanh (i)	Hải Phòng		100%	100%	25.000.000.000		100%	100%	25.000.000.000
▪ Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP	Hải Phòng	42.750.000	74%	74%	476.100.000.000	42.750.000	74%	74%	476.100.000.000
▪ Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh (ii)	Hải Phòng		66,34%	66,34%	67.000.000.000		-	-	-
Công ty liên kết									
▪ Công ty Cổ phần Logistics Cảng Đà Nẵng	Đà Nẵng	1.110.000	31%	31%	12.210.000.000	1.110.000	31%	31%	12.210.000.000
▪ Công ty Cổ phần Cảng dịch vụ Dầu khí Đình Vũ	Hải Phòng	8.820.200	22%	22%	80.991.207.286	7.050.000	17,6%	22%	70.500.000.000
▪ Công ty TNHH Tuyến Container T.S. Hà Nội (iii)	Hải Phòng		30%	30%	2.002.500.000	-	-	-	-
Đơn vị khác									
▪ Công ty TNHH MSC Việt Nam	Thành phố Hồ Chí Minh		5%	5%	155.000.000		5%	5%	155.000.000
					<u>794.283.707.286</u>				<u>714.790.000.000</u>

Công ty Cổ phần Container Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

- (i) Ngày 7 tháng 6 năm 2017, Hội đồng Quản trị Công ty ban hành Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐQT về việc sáp nhập Công ty TNHH Một thành viên Bến Xanh vào Công ty TNHH Một thành viên Vận tải biển Ngôi sao Xanh. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0200468606 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp cho Công ty TNHH Một thành viên Vận tải biển Ngôi sao Xanh ngày 11 tháng 7 năm 2017 đã cập nhật việc sáp nhập này.
- (ii) Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0201768923 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp ngày 24 tháng 1 năm 2017.
- (iii) Công ty TNHH Tuyến Container T.S. Hà Nội được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0201747264 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 14 tháng 10 năm 2016. Ngày 4 tháng 1 năm 2017, Công ty hoàn thành việc góp vốn thành lập Công ty TNHH Tuyến Container T.S. Hà Nội.
- (*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Phải thu ngắn hạn của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn và khách hàng là các bên liên quan:

	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
Khách hàng là các bên liên quan		
Công ty con		
▪ Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP	4.291.247.835	2.324.707.741
Khách hàng là các bên thứ ba		
▪ Công ty TNHH APL-NOL Việt Nam	8.352.852.377	15.326.752.893
▪ Công ty TNHH Cosco Shipping Lines Việt Nam	6.892.791.363	6.604.303.714
▪ Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam	5.745.248.434	6.364.125.746
▪ Công ty Cổ phần Transimex	3.557.085.083	1.594.353.308
▪ Công ty Dịch vụ Hàng hải Phương Đông (Orimas)	3.348.448.334	1.739.402.739
▪ Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ STC	3.316.630.000	672.400.000
▪ Công ty TNHH KMTC (Việt Nam)	2.412.922.491	-
▪ Công ty TNHH Sinokor Việt Nam	1.643.511.560	2.123.117.365
▪ Công ty TNHH Heung-A Shipping Việt Nam	1.132.912.551	1.349.604.571
▪ Công ty TNHH Cheng Lie Navigation	1.000.992.452	512.458.272
▪ Các khách hàng khác	11.775.634.785	14.125.346.624
	53.470.277.265	52.736.572.973

Khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không có đảm bảo, không tính lãi và có thời hạn hoàn trả là 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Công ty Cổ phần Container Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***8. Phải thu về cho vay**

	Ngắn hạn VND	30/6/2017 Dài hạn VND	Tổng cộng VND	Ngắn hạn VND	1/1/2017 Dài hạn VND	Tổng cộng VND
Phải thu về cho vay từ:						
Các công ty con						
Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP (i)						
▪ Khoản gốc cho vay	24.890.433.308	49.219.133.384	74.109.566.692	23.890.433.308	62.164.350.038	86.054.783.346
▪ Tiền lãi cho vay nhập gốc	-	5.561.733.233	5.561.733.233	-	5.561.733.233	5.561.733.233
Công ty Cổ phần Container Miền Trung (ii)						
▪ Khoản gốc tiền cho vay	1.879.278.944	1.879.278.948	3.758.557.892	1.879.278.944	2.818.918.420	4.698.197.364
Công ty TNHH MTV Vận tải biển Ngôi sao Xanh (iii)						
▪ Khoản gốc tiền cho vay	2.800.000.000	3.500.000.000	6.300.000.000	2.100.000.000	4.900.000.000	7.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư dịch vụ và Phát triển xanh (iv)						
▪ Khoản gốc cho vay	-	58.000.000.000	58.000.000.000	-	-	-
▪ Tiền lãi cho vay nhập gốc	-	817.833.333	817.833.333	-	-	-
	29.569.712.252	118.977.978.898	148.547.691.150	27.869.712.252	75.445.001.691	103.314.713.943

- (i) Các khoản cho vay này không có tài sản đảm bảo, hưởng lãi suất bằng lãi suất huy động tiết kiệm VND kỳ hạn 12 tháng do Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam công bố, cộng (+) 0,5%/năm hoặc 1,8%/năm và được hoàn trả thành nhiều lần trong vòng 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên.

Công ty Cổ phần Container Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

- (ii) Khoản cho vay này không có tài sản đảm bảo, hưởng lãi suất bằng lãi suất huy động tiết kiệm VND kỳ hạn 12 tháng do Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam công bố có hiệu lực vào ngày giải ngân đầu tiên và các ngày đầu tiên của các kỳ trả lãi, cộng (+) 0,5%/năm và được hoàn trả thành nhiều lần trong vòng 33 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên.
- (iii) Khoản cho vay này không có tài sản đảm bảo, hưởng lãi suất bằng lãi suất huy động tiết kiệm VND kỳ hạn 12 tháng do Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam công bố có hiệu lực vào ngày giải ngân đầu tiên và các ngày đầu tiên của các kỳ trả lãi và được hoàn trả thành nhiều lần trong vòng 30 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên.
- (iv) Khoản cho vay này không có tài sản đảm bảo, hưởng lãi suất bằng lãi suất huy động tiết kiệm VND kỳ hạn 12 tháng do Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam công bố có hiệu lực vào ngày giải ngân đầu tiên và các ngày đầu tiên của các kỳ trả lãi, cộng (+) 0,5%/năm và được hoàn trả thành nhiều lần trong vòng 48 tháng kể từ ngày kết thúc thời gian ân hạn, thời gian ân hạn nợ gốc là 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên.

9. Phải thu ngắn hạn khác

	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
<i>Phải thu khác từ các bên liên quan</i>		
Công ty con		
▪ Công ty TNHH MTV Trung tâm Logistic Xanh	116.069.750.051	136.516.049.750
▪ Công ty TNHH MTV Viconship Hồ Chí Minh	12.711.929.412	24.131.373.162
▪ Công ty TNHH MTV Vận tải biển Ngôi sao Xanh	28.929.751.602	10.923.215.936
	157.711.431.065	171.570.638.848
Các khoản phải thu khác	7.464.280.412	5.283.171.169
	165.175.711.477	176.853.810.017

Khoản phải thu phi thương mại từ các bên liên quan không có đảm bảo, không tính lãi và có thể thu hồi khi có yêu cầu.

10. Hàng tồn kho

	30/6/2017 VND	Giá gốc 1/1/2017 VND
Nguyên vật liệu	6.349.353.063	5.895.903.937
Công cụ và dụng cụ	576.000	1.152.000
Hàng hóa	770.935.356	933.076.166
	7.120.864.419	6.830.132.103

11. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Dụng cụ văn phòng VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	155.156.861.835	7.944.926.972	240.355.908.622	1.497.492.429	404.955.189.858
Tăng trong kỳ	-	2.441.593.091	8.253.393.636	-	10.694.986.727
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	7.007.224.056	1.996.267.210	-	-	9.003.491.266
Thanh lý	-	-	(4.263.498.182)	-	(4.263.498.182)
Số dư cuối kỳ	162.164.085.891	12.382.787.273	244.345.804.076	1.497.492.429	420.390.169.669
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	118.429.644.751	5.691.402.800	170.206.299.123	1.486.421.732	295.813.768.406
Khấu hao trong kỳ	5.536.847.295	621.385.092	8.014.447.176	6.227.274	14.178.906.837
Thanh lý	-	-	(678.492.193)	-	(678.492.193)
Số dư cuối kỳ	123.966.492.046	6.312.787.892	177.542.254.106	1.492.649.006	309.314.183.050
Giá trị còn lại					
Số dư đầu kỳ	36.727.217.084	2.253.524.172	70.149.609.499	11.070.697	109.141.421.452
Số dư cuối kỳ	38.197.593.845	6.069.999.381	66.803.549.970	4.843.423	111.075.986.619

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 có các tài sản với nguyên giá 151.810 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2017: 151.555 triệu VND).

Công ty Cổ phần Container Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

12. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	5.355.027.273	6.728.040.390	12.083.067.663
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	-	2.598.627.086	2.598.627.086
Khấu hao trong kỳ	-	576.197.208	576.197.208
Số dư cuối kỳ	-	3.174.824.294	3.174.824.294
Giá trị còn lại			
Số dư đầu kỳ	5.355.027.273	4.129.413.304	9.484.440.577
Số dư cuối kỳ	5.355.027.273	3.553.216.096	8.908.243.369

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017 VND	30/6/2016 VND
Số dư đầu kỳ	5.498.608.464	30.466.364
Tăng trong kỳ	3.535.349.166	-
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(9.003.491.266)	-
Số dư cuối kỳ	30.466.364	30.466.364

Các hạng mục xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
Xây dựng nhà kho số 3 tại Xí nghiệp Cảng Viconship	-	5.468.142.100
Các hạng mục khác	30.466.364	30.466.364
	30.466.364	5.498.608.464

Công ty Cổ phần Container Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

14. Chi phí trả trước dài hạn

	Công cụ và dụng cụ VND
Số dư đầu kỳ	17.971.523.817
Tăng trong kỳ	7.965.970.916
Phân bổ trong kỳ	(10.590.838.379)
Số dư cuối kỳ	15.346.656.354

15. Phải trả người bán ngắn hạn

Phải trả người bán ngắn hạn chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn và người bán là các bên liên quan:

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ 30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
Người bán là các bên liên quan		
Các công ty con		
▪ Công ty TNHH MTV Trung tâm Logistics Xanh	1.309.013.423	2.435.331.939
▪ Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP	36.015.650	1.408.643.706
▪ Công ty TNHH MTV Vận tải biển Ngôi sao xanh	1.710.410.650	1.487.893.000
▪ Công ty TNHH MTV Bến Xanh	894.137.868	421.161.920
	3.949.577.591	5.753.030.565
Các công ty liên kết		
▪ Công ty Cổ phần Cảng dịch vụ Dầu khí Đình Vũ	2.989.088.853	6.199.292.781
	6.938.666.444	11.952.323.346
Người bán là các bên thứ ba		
▪ Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí PVOIL Hải Phòng	3.606.348.440	3.412.305.570
▪ Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải và Kho vận Hồng Quân	2.582.281.350	857.018.250
▪ Công ty Cổ phần Cảng Nam Hải	-	6.677.459.340
▪ Công ty Cổ phần Cảng Nam Hải Đình Vũ	-	3.022.444.625
▪ Công ty Cổ phần Greeting Fortune Container Việt Nam	-	2.313.688.745
▪ Các nhà cung cấp khác	8.786.731.131	6.438.581.293
	21.914.027.365	34.673.821.169

Các khoản phải trả người bán là các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả khi được yêu cầu.

16. Thuế và các khoản phải thu và phải nộp Nhà nước

(a) Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

	1/1/2017 VND	Số phát sinh tăng trong kỳ VND	Số đã khấu trừ trong kỳ VND	30/6/2017 VND
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	1.859.613.698	13.782.710.172	(14.908.762.775)	733.561.095

(b) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	1/1/2017 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã khấu trừ trong kỳ VND	Số đã nộp trong kỳ VND	30/6/2017 VND
Thuế giá trị gia tăng	46.430.815	15.647.075.730	(14.908.762.775)	(719.240.971)	65.502.799
Thuế thu nhập doanh nghiệp	10.420.858.734	13.872.259.897	-	(19.519.167.050)	4.773.951.581
Thuế thu nhập cá nhân	389.789.155	1.864.405.649	-	(1.899.954.677)	354.240.127
Các loại thuế khác	2.777.932.561	4.451.015.657	-	(6.809.569.206)	419.379.012
	13.635.011.265	35.834.756.933	(14.908.762.775)	(28.947.931.904)	5.613.073.519

Công ty Cổ phần Container Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

17. Phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
<i>Phải trả các bên liên quan</i>		
Công ty con		
▪ Công ty TNHH Một thành viên Bến Xanh	3.986.756.549	4.426.447.079
▪ Công ty TNHH Một thành viên Vận tải biển Ngôi sao Xanh	1.078.565.367	-
▪ Công ty Cổ phần Container Miền Trung	549.276.090	-
▪ Công ty TNHH Một thành viên Viconship Hồ Chí Minh	428.064.615	-
	6.042.662.621	4.426.447.079
<i>Phải trả các bên thứ ba</i>		
▪ Các khoản thu hộ hãng tàu	28.718.794.898	46.479.449.769
▪ Kinh phí công đoàn	3.000.379.005	3.234.587.525
▪ Cổ tức phải trả	46.225.667.450	708.937.025
▪ Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.103.981.781	1.564.972.507
	86.091.485.755	56.414.393.905

Khoản phải trả các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi suất và phải hoàn trả khi được yêu cầu.

18. Vay

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
Khoản vay ngân hàng	USD	4%	2017	-	4.831.480.000
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng				-	(4.831.480.000)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng				-	-

Công ty Cổ phần Container Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng, phúc lợi cho các nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng, phúc lợi của Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	38.057.956.953	31.946.525.901
Trích lập trong kỳ	16.839.314.770	21.496.028.636
Sử dụng trong kỳ	(11.898.647.568)	(10.713.278.920)
Số dư cuối kỳ	42.998.624.155	42.729.275.617

20. Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1/1/2016	414.160.420.000	36.141.891.246	537.161.063.042	212.960.720.144	1.200.424.094.432
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	126.100.365.815	126.100.365.815
Phân bổ vào các quỹ	-	-	58.309.599.321	(58.309.599.321)	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(21.496.028.636)	(21.496.028.636)
Cổ tức	41.411.000.000	-	-	(82.827.042.000)	(41.416.042.000)
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát	-	-	-	(2.184.000.000)	(2.184.000.000)
Số dư tại ngày 30/6/2016	455.571.420.000	36.141.891.246	595.470.662.363	174.244.416.002	1.261.428.389.611
Số dư tại ngày 1/1/2017	455.571.420.000	36.141.891.246	595.470.662.363	215.785.250.647	1.302.969.224.256
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	76.738.402.700	76.738.402.700
Phân bổ vào các quỹ	-	-	9.263.707.394	(9.263.707.394)	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(16.839.314.770)	(16.839.314.770)
Cổ tức (Thuyết minh 22)	-	-	-	(45.557.142.000)	(45.557.142.000)
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát	-	-	-	(1.895.000.000)	(1.895.000.000)
Số dư tại ngày 30/6/2017	455.571.420.000	36.141.891.246	604.734.369.757	218.968.489.183	1.315.416.170.186

Công ty Cổ phần Container Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

21. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2017		1/1/2017	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	45.557.142	455.571.420.000	45.557.142	455.571.420.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	45.557.142	455.571.420.000	45.557.142	455.571.420.000
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	45.557.142	455.571.420.000	45.557.142	455.571.420.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Biến động vốn cổ phần trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày			
	30/6/2017		30/6/2016	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Số dư đầu kỳ	45.557.142	455.571.420.000	41.416.042	414.160.420.000
Phát hành cổ phiếu trong kỳ để trả cổ tức	-	-	4.141.100	41.411.000.000
Số dư cuối kỳ	45.557.142	455.571.420.000	45.557.142	455.571.420.000

Công ty Cổ phần Container Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

22. Cổ tức

Ngày 24 tháng 3 năm 2017, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty phê duyệt việc phân phối khoản cổ tức bằng tiền cho năm 2016 với mức 10% mệnh giá cổ phần (1.000 VND trên một cổ phiếu) với tổng giá trị 45.557 triệu VND.

Ngày 24 tháng 3 năm 2017, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty cũng phê duyệt việc phát hành cổ phiếu để trả cổ tức với tỷ lệ 10% mệnh giá cổ phần. Tại ngày phát hành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Công ty chưa hoàn thiện các thủ tục phát hành cổ phiếu để trả cổ tức từ lợi nhuận chưa phân phối năm 2016 theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông.

23. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

24. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Tài sản thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
Trong vòng một năm	3.260.944.800	3.260.944.800
Trong vòng hai đến năm năm	13.043.779.200	13.043.779.200
Sau năm năm	24.719.305.355	26.336.376.612
	41.024.029.355	42.641.100.612

(b) Ngoại tệ các loại

	30/6/2017		1/1/2017	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	842.197	19.124.282.460	1.132.778	25.736.744.708

Công ty Cổ phần Container Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

25. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng. Doanh thu bao gồm:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	17.402.318.161	10.204.119.543
Doanh thu cung cấp dịch vụ	216.125.824.270	221.076.195.457
	233.528.142.431	231.280.315.000

26. Giá vốn hàng bán

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
Giá vốn hàng hóa đã bán	16.741.889.073	9.266.644.597
Giá vốn dịch vụ đã cung ứng	146.035.680.986	129.066.907.924
	162.777.570.059	138.333.552.521

27. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
Lãi tiền gửi và cho vay	7.827.398.986	9.342.928.461
Cổ tức và lợi nhuận được chia	21.586.930.085	50.409.203.509
Lãi chênh lệch tỷ giá	114.192.967	97.397.345
	29.528.522.038	59.849.529.315

Công ty Cổ phần Container Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

28. Chi phí kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu	17.220.414.711	10.041.267.848
Chi phí nhân công	26.440.492.774	23.956.316.139
Chi phí khấu hao	14.755.104.045	14.564.961.468
Chi phí dịch vụ mua ngoài	99.255.683.266	81.754.135.094
Chi phí khác	13.947.301.189	15.569.226.432

29. Thuế thu nhập

(a) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	90.610.662.597	145.163.132.525
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	18.122.132.519	29.032.626.505
Ảnh hưởng của chi phí không được khấu trừ thuế	67.513.395	111.980.907
Ảnh hưởng của thu nhập không bị tính thuế	(4.317.386.017)	(10.081.840.702)
	13.872.259.897	19.062.766.710

(b) Thuế suất áp dụng

Từ năm 2016, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

Công ty Cổ phần Container Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

30. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trong kỳ Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
Công ty con		
<i>Công ty TNHH Một thành viên Vận tải biển Ngôi sao Xanh</i>		
▪ Bán hàng hóa	8.619.221.251	4.791.047.381
▪ Cung cấp dịch vụ	1.267.246.636	1.332.070.000
▪ Sử dụng dịch vụ	10.768.721.227	8.639.219.636
▪ Lợi nhuận nhận được từ công ty con	10.029.223.163	6.968.928.959
▪ Nhận tiền trả gốc vay	700.000.000	-
▪ Lãi cho vay	231.291.667	-
<i>Công ty Cổ phần Container Miền Trung</i>		
▪ Lợi nhuận nhận được từ công ty con	-	3.965.000.000
▪ Cho vay dài hạn	-	6.000.000.000
▪ Nhận tiền trả gốc vay	939.639.472	831.982.900
▪ Lãi cho vay	158.772.970	-
<i>Công ty TNHH Một thành viên Viconship Hồ Chí Minh</i>		
▪ Sử dụng dịch vụ	-	82.663.436
▪ Mua cổ phiếu Công ty Cổ phần Cảng dịch vụ Dầu khí Đình Vũ	8.365.193.750	-
<i>Công ty TNHH Một thành viên Bến Xanh</i>		
▪ Bán hàng hóa	1.443.625.791	1.309.798.577
▪ Cung cấp dịch vụ	240.000.000	160.000.000
▪ Sử dụng dịch vụ	4.644.428.241	3.149.025.670
▪ Lợi nhuận nhận được từ công ty con	8.165.906.922	3.149.025.670
▪ Mua cổ phiếu Công ty Cổ phần Cảng dịch vụ Dầu khí Đình Vũ	2.126.013.536	-
<i>Công ty TNHH Một thành viên Trung tâm Logistic Xanh</i>		
▪ Bán hàng hóa	2.289.609.077	1.549.992.786
▪ Cung cấp dịch vụ	1.334.638.741	1.074.755.904
▪ Sử dụng dịch vụ	16.794.141.762	17.229.222.344
▪ Lợi nhuận nhận được từ công ty con	-	28.849.954.016
<i>Công ty Cổ phần Cảng xanh VIP</i>		
▪ Bán hàng hóa	5.049.862.042	2.553.280.799
▪ Cung cấp dịch vụ	9.717.255.512	9.447.529.993
▪ Sử dụng dịch vụ	2.920.881.408	799.901.768
▪ Nhận tiền trả gốc vay	11.945.216.654	4.000.000.000
▪ Lãi vay nhập gốc cho vay	-	3.542.399.900
▪ Lãi cho vay	3.539.580.217	-

Công ty Cổ phần Container Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Giá trị giao dịch
Kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30/6/2017 30/6/2016
VND VND

Công ty Cổ phần Đầu tư dịch vụ và Phát triển xanh

▪ Góp vốn	67.000.000.000	-
▪ Cho vay dài hạn	58.000.000.000	-
▪ Lãi cho vay nhập gốc cho vay	817.833.333	-

Công ty liên kết

Công ty Cổ phần Cảng dịch vụ Dầu khí Đình Vũ

▪ Sử dụng dịch vụ	16.284.196.114	15.934.980.088
-------------------	----------------	----------------

Công ty Cổ phần Cảng Logistics Đà Nẵng

▪ Nhận cổ tức	2.641.800.000	-
---------------	---------------	---

Công ty TNHH Tuyển Container T.S. Hà Nội

▪ Góp vốn	2.002.500.000	-
-----------	---------------	---

Thành viên Ban Giám đốc

▪ Tiền lương và thưởng	1.605.302.895	1.673.117.182
------------------------	---------------	---------------

Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát

▪ Thù lao và thưởng	1.895.000.000	2.184.000.000
---------------------	---------------	---------------

31. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư và tài chính

Kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30/6/2017 30/6/2016
VND VND

Trả cổ tức thông qua phát hành cổ phiếu phổ thông	-	41.411.000.000
Nhập lãi vay vào gốc cho vay	817.833.333	3.542.399.900

Công ty Cổ phần Container Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

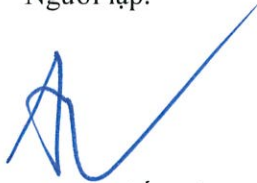
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

32. Sự kiện sau ngày trên bảng cân đối kế toán

Theo Nghị quyết số 05.2017/NQ-HĐQT ngày 28 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng Quản trị Công ty, Công ty sẽ hỗ trợ vốn cho công ty con là Công ty TNHH MTV Ngôi sao xanh, với tổng số tiền hỗ trợ là 10 tỷ đồng, thời gian hỗ trợ không quá 5 năm.

Ngày 12 tháng 8 năm 2017

Người lập:



Trương Lý Thế Anh
Phó phòng Kế toán

Người duyệt:



Trần Xuân Bạo
Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Tiến
Tổng Giám đốc